

Số: 78/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

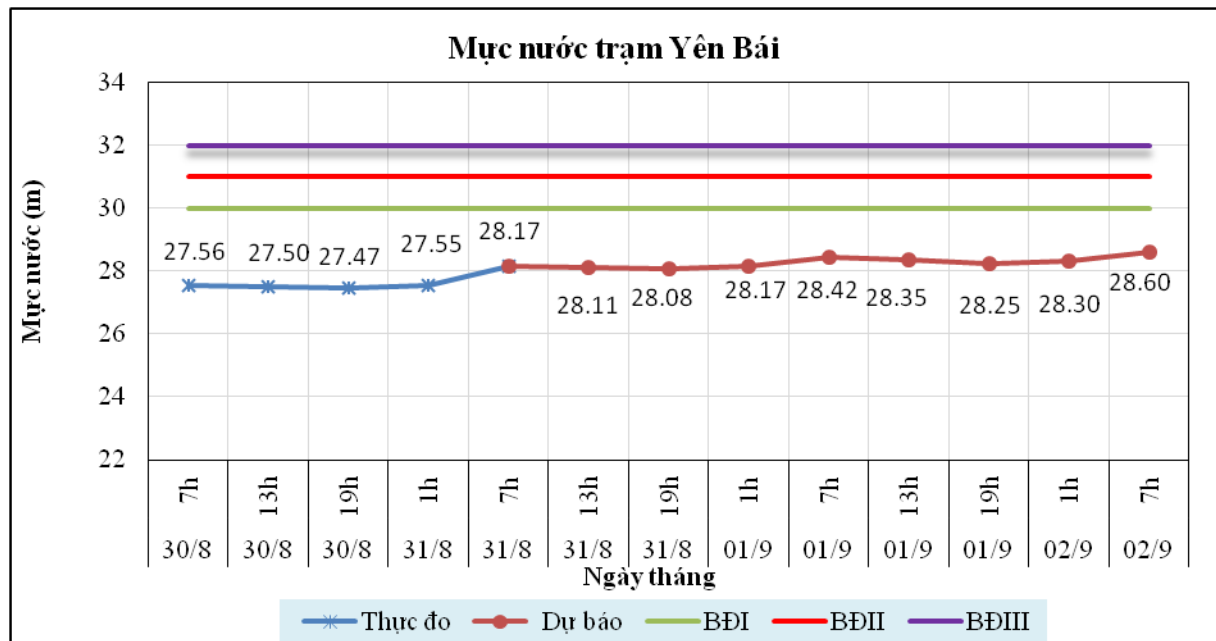
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

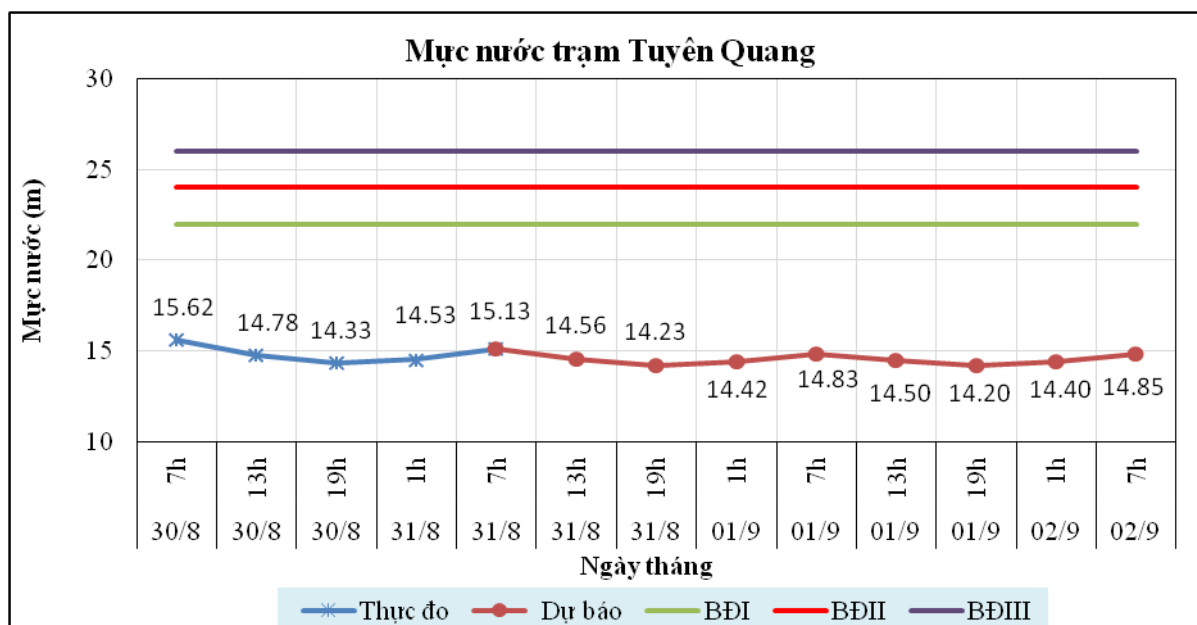
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

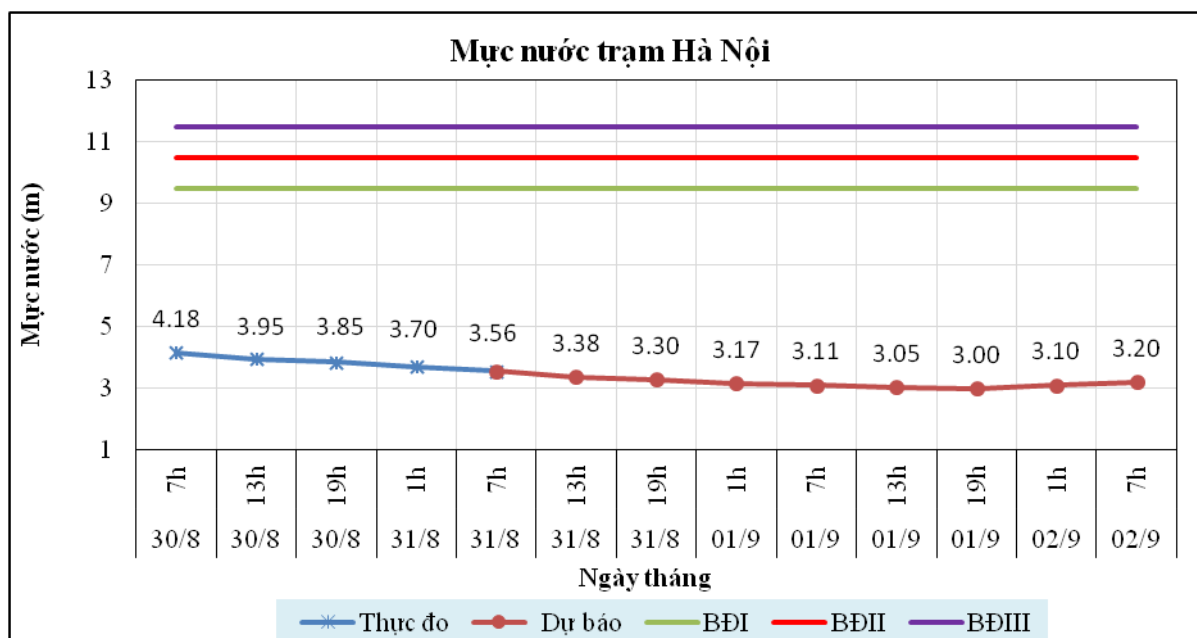
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế giảm.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

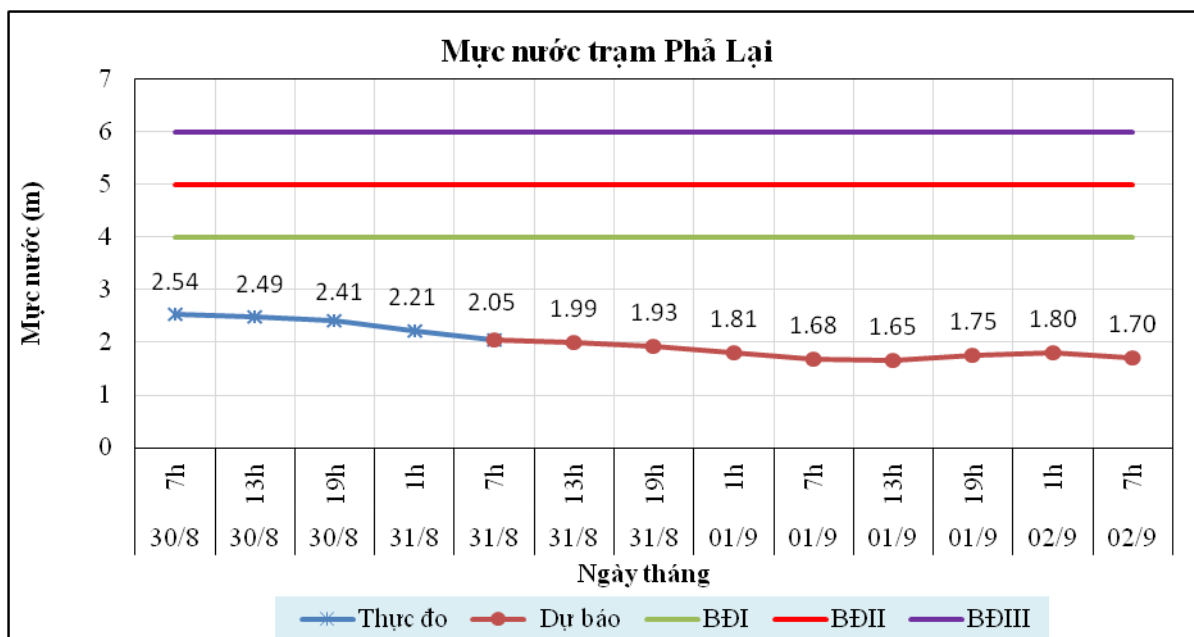
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế giảm.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

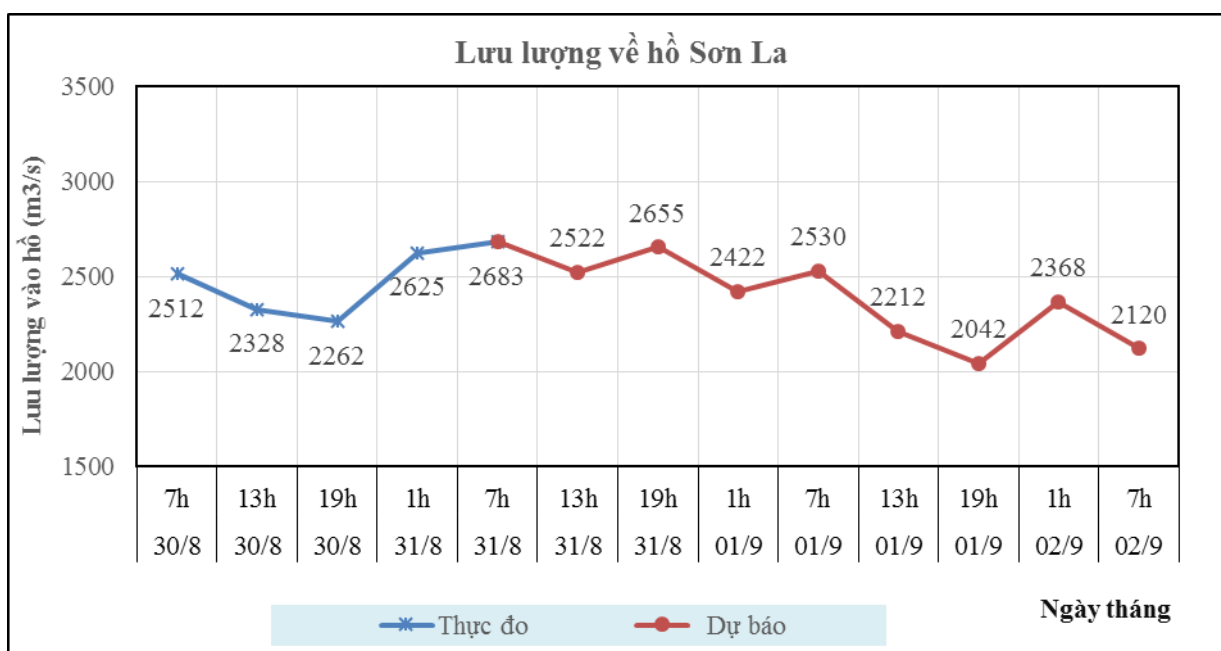
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

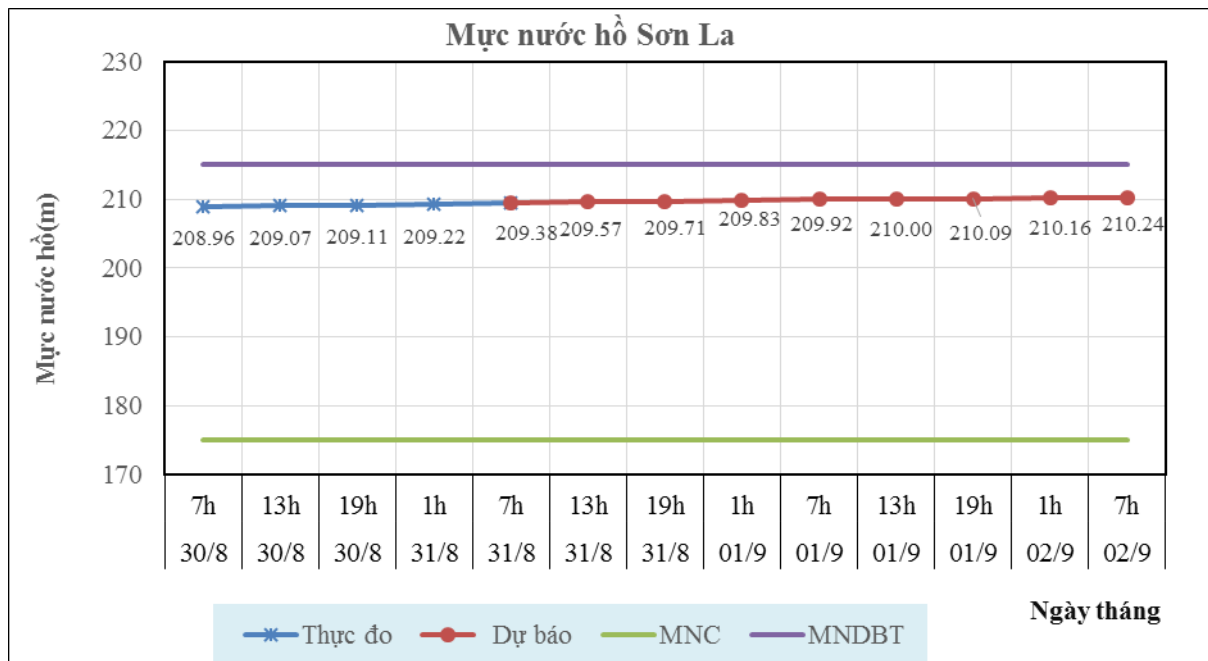
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 31/08/2025 đạt 2683m³/s, mực nước hồ đạt 209.38m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 2530m³/s, mực nước hồ 209.92m, 48h tới lưu lượng đạt 2120m³/s, mực nước đạt 210.24m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

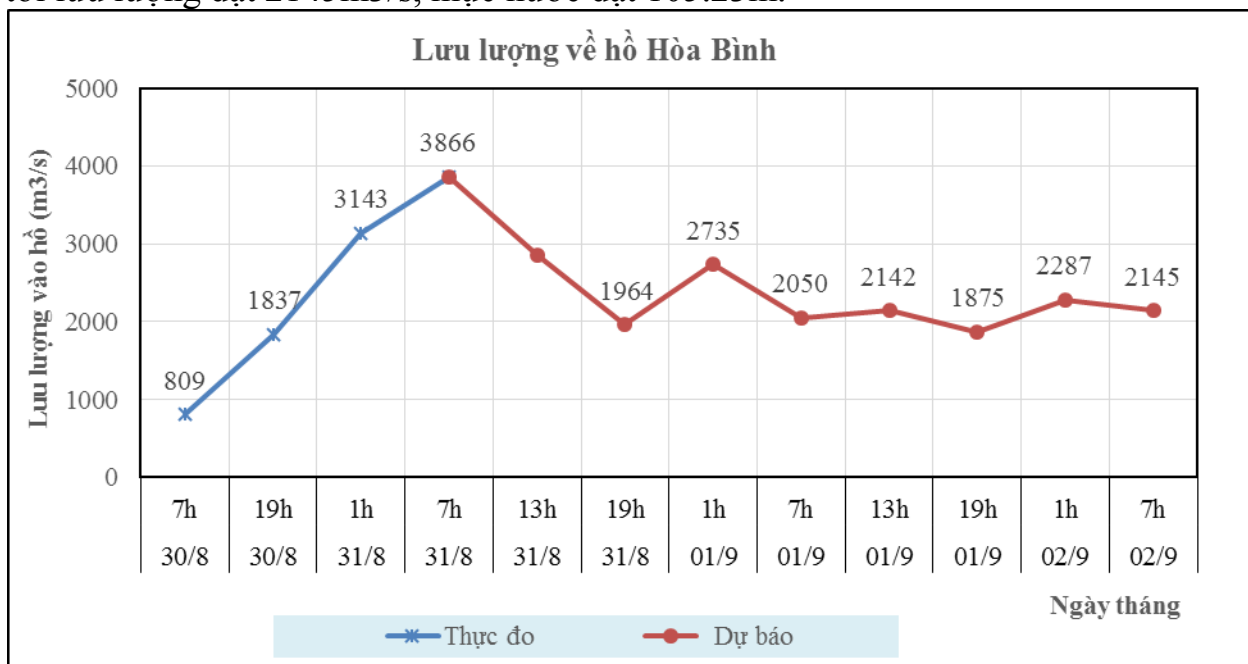
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

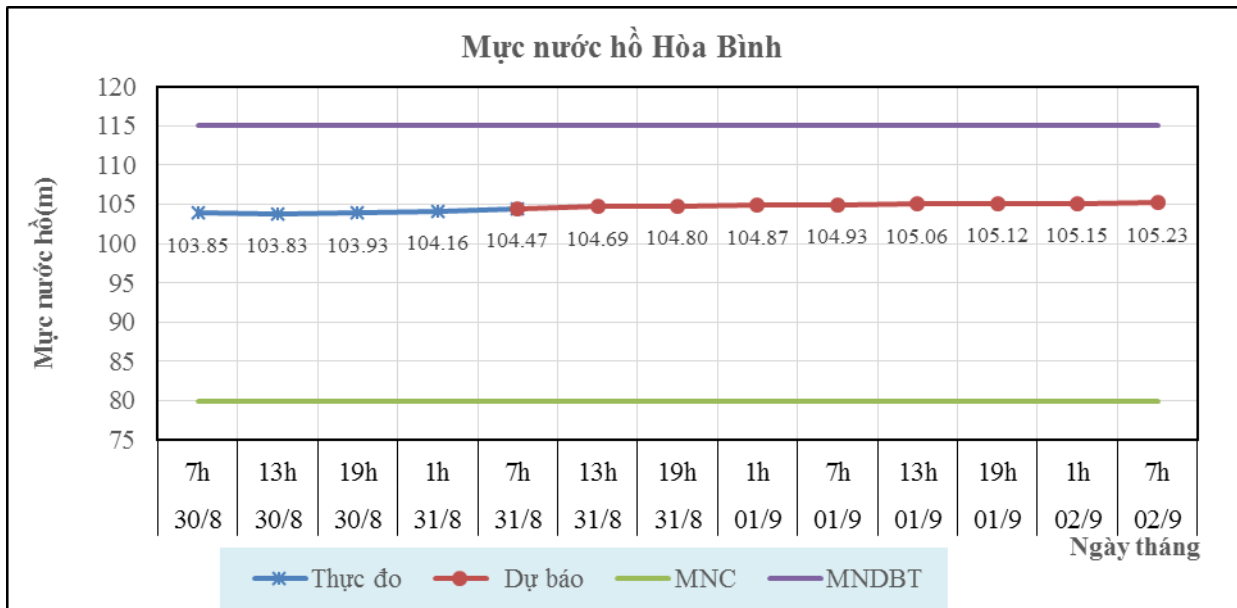
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 31/08/2025 đạt 3866m³/s, mực nước hồ đạt 104.47m, lưu lượng có xu thế tăng, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 2050m³/s, mực nước hồ 104.93m, 48h tới lưu lượng đạt 2145m³/s, mực nước đạt 105.23m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

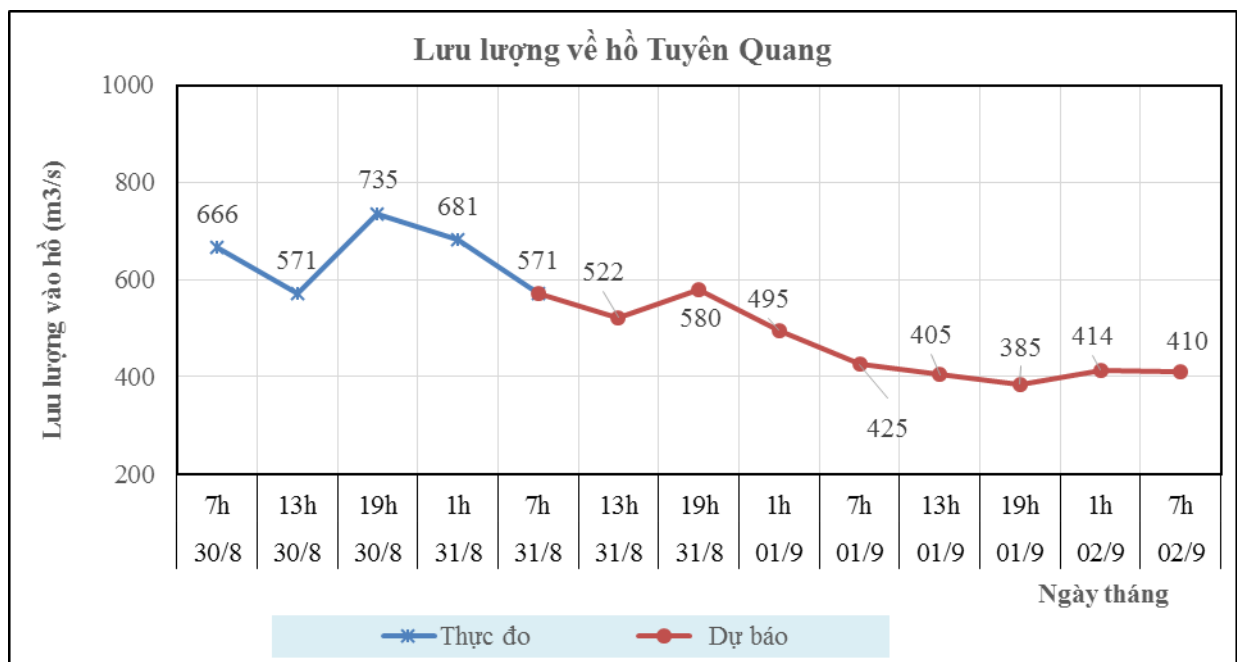
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

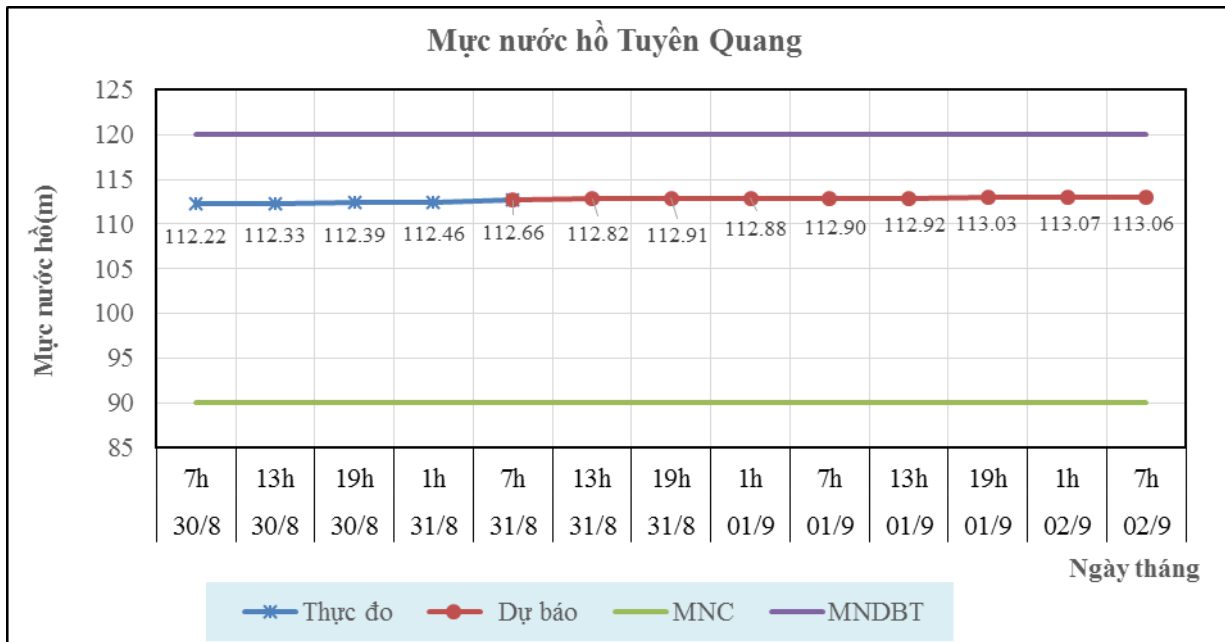
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 31/08/2025 đạt 571m³/s, mực nước hồ đạt 112.66m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 425m³/s, mực nước hồ 112.9m, 48h tới lưu lượng đạt 410m³/s, mực nước đạt 113.06m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

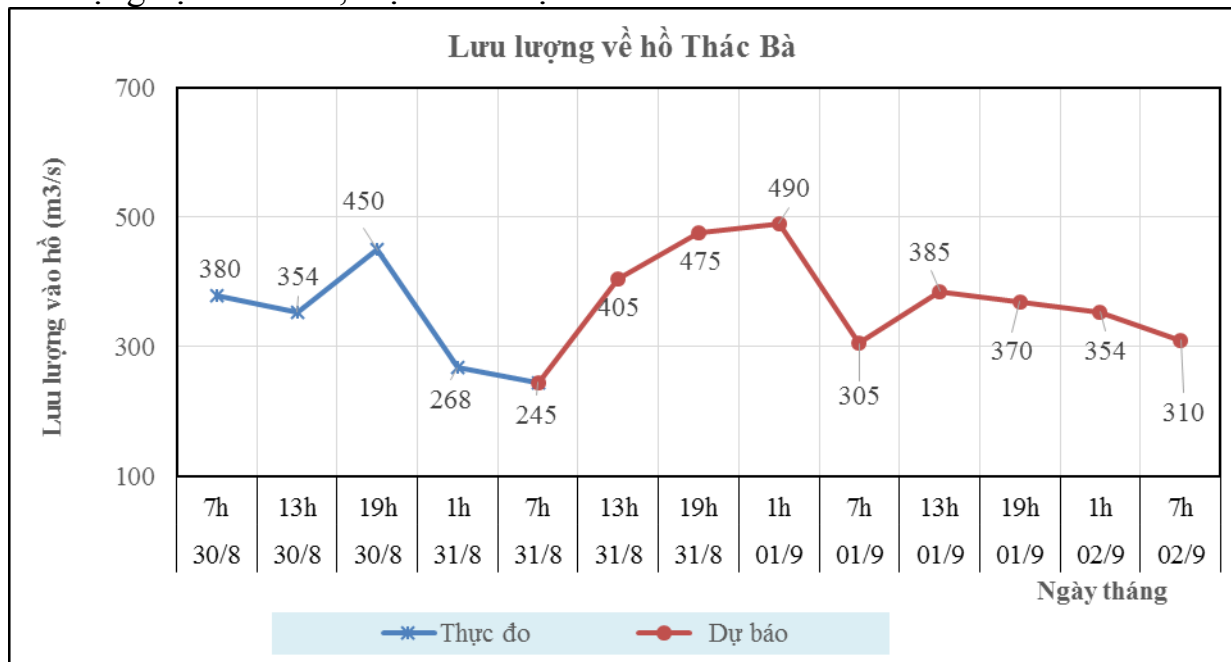
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

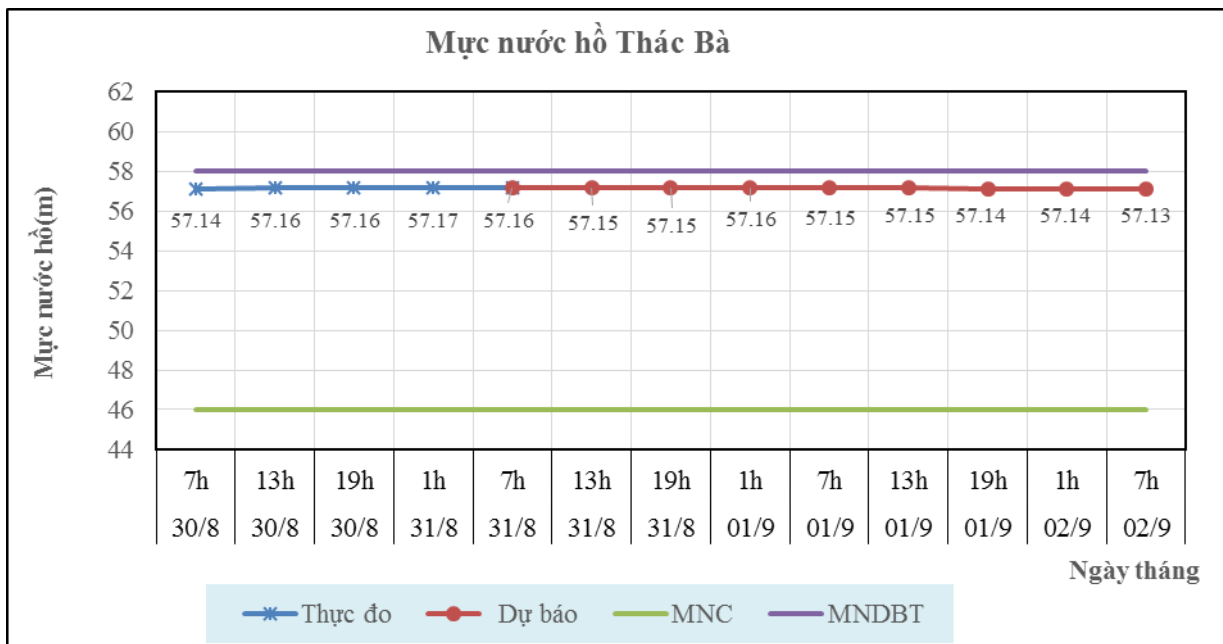
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 31/08/2025 đạt 245m³/s, mực nước hồ đạt 57.16m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 305m³/s, mực nước hồ 57.15m, 48h tới lưu lượng đạt 310m³/s, mực nước đạt 57.13m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	31/08/2025	13h	0	0	2522	1045	209.57	0	0	2850	1281	104.69	0	0	522	223	112.82	0	0	405	422	57.15
2		19h	0	0	2655	1578	209.71	0	0	1964	1833	104.8	0	0	580	649	112.91	0	0	475	417	57.15
3	01/09/2025	1h	0	0	2422	1252	209.83	0	0	2735	1910	104.87	0	0	495	405	112.88	0	0	490	405	57.16
4		7h	0	0	2530	1645	209.92	0	0	2050	946	104.93	0	0	425	415	112.90	0	0	305	425	57.15
5		13h	0	0	2212	1469	210	0	0	2142	1420	105.06	0	0	405	0	112.92	0	0	385	422	57.15
6		19h	0	0	2042	1245	210.09	0	0	1875	1938	105.12	0	0	385	246	113.03	0	0	370	415	57.14
7	02/09/2025	1h	0	0	2368	1789	210.16	0	0	2287	1460	105.15	0	0	414	415	113.07	0	0	354	417	57.14
8		7h	0	0	2120	1231	210.24	0	0	2145	1465	105.23	0	0	410	649	113.06	0	0	310	425	57.13